

## **Công ty Cổ phần Licogi 16**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



**MỤC LỤC**

|                                                         | <i>Trang</i> |
|---------------------------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung                                         | 1            |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                           | 2            |
| Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ   | 3 - 4        |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ                 | 5 - 6        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 7            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ           | 8 - 9        |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ        | 10 - 43      |

# Công ty Cổ phần Licogi 16

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                           |            |                                     |
|---------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Bùi Dương Hùng        | Chủ tịch   |                                     |
| Ông Budiman Satrio Sudono | Thành viên |                                     |
| Bà Đinh Thị Hiền          | Thành viên | bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016   |
| Ông Phan Ngọc Hiếu        | Thành viên | bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016   |
| Ông Lê Vũ Nam             | Thành viên | bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016   |
| Ông Vũ Công Hưng          | Thành viên | miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Hoàng Minh Khai       | Thành viên | miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Lê Văn Công           | Thành viên | miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016 |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                     |            |                                     |
|---------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thủy  | Trưởng ban | bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016   |
| Ông Trần Đình Tuấn  | Trưởng ban | miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016 |
| Bà Vũ Thị Thu Trang | Thành viên | bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016   |
| Ông Trần Nam Trung  | Thành viên | bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016   |
| Ông Nguyễn Anh Tú   | Thành viên | miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016 |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                     |                                          |                                     |
|---------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|
| Ông Bùi Dương Hùng  | Tổng Giám đốc                            |                                     |
| Ông Tăng Quốc Thuộc | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xây dựng | bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016   |
| Ông Phí Ngọc Anh    | Giám đốc Kinh Tế Kế Hoạch                | bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016   |
|                     | Giám đốc Xây dựng                        | miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Hoàng Minh Khai | Giám đốc Bất động sản                    |                                     |
| Bà Cao Thị Mai Lê   | Giám đốc Tài chính                       | miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016 |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Licogi 16

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Dương Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 60992762/18590403/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
|------------|----------------------------------------|-------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             |             | <b>1.462.986.370.658</b> | <b>1.358.264.824.754</b>  |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền</b>                         | <b>4</b>    | <b>53.869.611.161</b>    | <b>22.761.299.104</b>     |
| 111        | 1. Tiền                                |             | 53.869.611.161           | 22.761.299.104            |
| <b>130</b> | <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b> |             | <b>1.113.376.362.153</b> | <b>1.059.285.168.571</b>  |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng    | 5           | 728.047.952.002          | 670.982.547.899           |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn    | 6           | 227.337.674.613          | 184.504.685.416           |
| 135        | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn        | 7           | 4.458.917.302            | 4.944.279.412             |
| 136        | 4. Phải thu ngắn hạn khác              | 8           | 182.472.472.819          | 230.506.086.783           |
| 137        | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi  | 5           | (28.940.654.583)         | (31.652.430.939)          |
| <b>140</b> | <b>III. Hàng tồn kho</b>               | <b>9</b>    | <b>260.830.199.044</b>   | <b>238.819.535.104</b>    |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                        |             | 260.830.199.044          | 238.819.535.104           |
| <b>150</b> | <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>       |             | <b>34.910.198.300</b>    | <b>37.398.821.975</b>     |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn          | 10          | 9.617.545.173            | 11.231.352.345            |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ             |             | 25.292.653.127           | 26.167.469.630            |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>              |             | <b>901.744.543.818</b>   | <b>903.958.073.250</b>    |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>   |             | <b>100.867.989.843</b>   | <b>118.826.373.586</b>    |
| 215        | 1. Phải thu về cho vay dài hạn         | 7           | 100.865.989.843          | 118.824.373.586           |
| 216        | 2. Phải thu dài hạn khác               |             | 2.000.000                | 2.000.000                 |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>             |             | <b>103.413.465.926</b>   | <b>93.847.592.703</b>     |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình            | 11          | 97.923.919.487           | 86.785.280.922            |
| 222        | Nguyên giá                             |             | 134.582.434.413          | 410.336.328.740           |
| 223        | Giá trị khấu hao lũy kế                |             | (36.658.514.926)         | (323.551.047.818)         |
| 227        | 2. Tài sản vô hình                     | 12          | 5.489.546.439            | 7.062.311.781             |
| 228        | Nguyên giá                             |             | 9.665.060.000            | 10.637.060.000            |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế                 |             | (4.175.513.561)          | (3.574.748.219)           |
| <b>240</b> | <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>    |             | <b>72.599.051.281</b>    | <b>73.893.674.104</b>     |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang     | 13          | 72.599.051.281           | 73.893.674.104            |
| <b>250</b> | <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>    | <b>14</b>   | <b>623.492.843.999</b>   | <b>614.506.362.899</b>    |
| 251        | 1. Đầu tư vào công ty con              |             | 131.285.346.377          | 136.737.706.377           |
| 252        | 2. Đầu tư vào công ty liên kết         |             | 630.233.593.569          | 615.843.593.569           |
| 254        | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn   |             | (138.026.095.947)        | (138.074.937.047)         |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>         |             | <b>1.371.192.769</b>     | <b>2.884.069.958</b>      |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn           | 10          | 1.371.192.769            | 2.884.069.958             |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>               |             | <b>2.364.730.914.476</b> | <b>2.262.222.898.004</b>  |



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                                    | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
|------------|--------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                        |             | <b>1.301.154.035.371</b> | <b>1.236.667.811.215</b>  |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                        |             | <b>1.257.828.765.122</b> | <b>1.224.424.318.385</b>  |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                               | 15          | 303.719.120.893          | 335.595.243.894           |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                         | 16          | 266.520.028.776          | 243.667.501.874           |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                       | 17          | 7.864.848.522            | 8.153.920.134             |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                                   |             | 4.148.234.751            | 3.732.674.870             |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                 | 18          | 144.910.415.899          | 106.109.656.754           |
| 319        | 6. Phải trả ngắn hạn khác                                    | 19          | 75.995.612.828           | 78.510.132.079            |
| 320        | 7. Vay ngắn hạn                                              | 20          | 439.429.545.297          | 430.157.438.958           |
| 322        | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                 |             | 15.240.958.156           | 18.497.749.822            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                        |             | <b>43.325.270.249</b>    | <b>12.243.492.830</b>     |
| 337        | 1. Phải trả dài hạn khác                                     | 19          | 65.443.351               | 65.443.351                |
| 338        | 2. Vay dài hạn                                               | 20          | 40.968.999.648           | 9.887.222.229             |
| 342        | 3. Dự phòng phải trả dài hạn                                 |             | 2.290.827.250            | 2.290.827.250             |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     |             | <b>1.063.576.879.105</b> | <b>1.025.555.086.789</b>  |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>21.1</b> | <b>1.063.576.879.105</b> | <b>1.025.555.086.789</b>  |
| 411        | 1. Vốn cổ phần                                               |             | 762.499.560.000          | 762.499.560.000           |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     |             | 762.499.560.000          | 762.499.560.000           |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      |             | 93.686.613.494           | 93.686.613.494            |
| 415        | 3. Cổ phiếu quỹ                                              |             | (3.390.000)              | (3.390.000)               |
| 418        | 4. Quỹ đầu tư phát triển                                     |             | 119.204.302.363          | 119.204.302.363           |
| 421        | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                         |             | 88.189.793.248           | 50.168.000.932            |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |             | 50.168.000.932           | -                         |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   |             | 38.021.792.316           | 50.168.000.932            |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   |             | <b>2.364.730.914.476</b> | <b>2.262.222.898.004</b>  |



Nguyễn Văn Việt  
Người lập



Đinh Thị Hiền  
Kế toán trưởng

  
Bùi Dương Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

| Mã số    | CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 |
|----------|----------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 10       | 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22.1        | 374.306.027.433                                            | 642.060.294.706                                            |
| 11       | 2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp            | 23          | (340.747.122.270)                                          | (564.036.649.894)                                          |
| 20       | 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 33.558.905.163                                             | 78.023.644.812                                             |
| 21       | 4. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 22.2        | 9.226.143.902                                              | 4.499.909.616                                              |
| 22<br>23 | 5. Chi phí tài chính<br>Trong đó: Chi phí lãi vay  | 24          | (19.335.909.934)<br>(17.228.062.633)                       | (32.830.140.858)<br>(16.978.830.451)                       |
| 25       | 6. Chi phí bán hàng                                | 25          | (1.488.871.363)                                            | (9.073.950.494)                                            |
| 26       | 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25          | (13.132.856.882)                                           | (10.052.000.457)                                           |
| 30       | 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         |             | 8.827.410.886                                              | 30.567.462.619                                             |
| 31       | 9. Thu nhập khác                                   | 26          | 31.738.269.272                                             | 3.564.278.450                                              |
| 32       | 10. Chi phí khác                                   | 26          | (2.543.887.842)                                            | (5.183.190.323)                                            |
| 40       | 11. Lợi nhuận (lỗ) khác                            | 26          | 29.194.381.430                                             | (1.618.911.873)                                            |
| 50       | 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 38.021.792.316                                             | 28.948.550.746                                             |
| 51       | 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 27.1        | -                                                          | -                                                          |
| 52       | 14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     |             | -                                                          | (159.520.453)                                              |
| 60       | 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN                        |             | 38.021.792.316                                             | 28.789.030.293                                             |

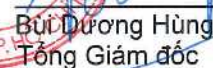


Nguyễn Văn Việt  
Người lập



Đinh Thị Hiền  
Kế toán trưởng



  
Bùi Dương Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

| Mã số     | CHỈ TIÊU                                                             | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| <b>01</b> | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                    |             |                                                            |                                                            |
|           | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                          |             | <b>38.021.792.316</b>                                      | <b>28.948.550.746</b>                                      |
|           | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                     |             |                                                            |                                                            |
| 02        | Khấu hao và hao mòn                                                  | 11, 12      | 8.545.333.621                                              | 10.192.134.608                                             |
| 03        | (Hoàn nhập các khoản dự phòng) dự phòng                              |             | (2.760.617.456)                                            | 12.729.725.543                                             |
| 05        | Lãi từ hoạt động đầu tư                                              |             | (35.518.735.910)                                           | (5.420.600.139)                                            |
| 06        | Chi phí lãi vay                                                      | 24          | 17.228.062.633                                             | 16.978.830.451                                             |
| <b>08</b> | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b> |             | <b>25.515.835.204</b>                                      | <b>63.428.641.209</b>                                      |
| 09        | Tăng các khoản phải thu                                              |             | (99.093.078.346)                                           | (206.974.705.151)                                          |
| 10        | (Tăng) giảm hàng tồn kho                                             |             | (22.010.663.940)                                           | 38.628.751.466                                             |
| 11        | Tăng các khoản phải trả                                              |             | 45.581.119.115                                             | 111.330.859.794                                            |
| 12        | Giảm chi phí trả trước                                               |             | 3.126.684.361                                              | 8.508.710.173                                              |
| 14        | Tiền lãi vay đã trả                                                  |             | (17.330.746.641)                                           | (17.330.391.059)                                           |
| 17        | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                               |             | (3.256.791.666)                                            | (1.689.833.000)                                            |
| <b>20</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>        |             | <b>(67.467.641.913)</b>                                    | <b>(4.097.966.568)</b>                                     |
|           | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                       |             |                                                            |                                                            |
| 21        | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định                        |             | (46.644.755.672)                                           | (27.240.011.832)                                           |
| 22        | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                     |             | 36.576.331.149                                             | 5.962.345.455                                              |
| 23        | Tiền chi cho vay                                                     |             | -                                                          | (21.436.394.712)                                           |
| 24        | Tiền thu hồi cho vay                                                 |             | 16.000.000.000                                             | 15.136.394.712                                             |
| 25        | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                              |             | (14.937.640.000)                                           | (1.340.000.000)                                            |
| 26        | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                          |             | 5.450.000.000                                              | 1.725.000.000                                              |
| 27        | Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia                             |             | 61.778.134.735                                             | 4.116.650.006                                              |
| <b>30</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>       |             | <b>58.222.070.212</b>                                      | <b>(23.076.016.371)</b>                                    |
|           | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                   |             |                                                            |                                                            |
| 33        | Tiền thu từ đi vay                                                   |             | 363.494.329.321                                            | 424.628.959.375                                            |
| 34        | Tiền chi trả nợ gốc vay                                              |             | (323.140.445.563)                                          | (397.011.046.399)                                          |
| <b>40</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                  |             | <b>40.353.883.758</b>                                      | <b>27.617.912.976</b>                                      |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                 | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 |
|-------|--------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 50    | Tăng tiền thuần trong kỳ |             | 31.108.312.057                                             | 443.930.037                                                |
| 60    | Tiền đầu kỳ              |             | 22.761.299.104                                             | 27.853.221.083                                             |
| 70    | Tiền cuối kỳ             | 4           | 53.869.611.161                                             | 28.297.151.120                                             |

  
Nguyễn Văn Việt  
Người lập

  
Đinh Thị Hiền  
Kế toán trưởng

  
  
Bùi Dương Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 226 (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 198).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

*Bất động sản tồn kho*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                      |   |                                                                                                                                          |
|--------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu                      | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền                                                                                         |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền |

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                          |            |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 25 năm     |
| Máy móc và thiết bị      | 3 – 11 năm |
| Phương tiện vận tải      | 6 – 10 năm |
| Thiết bị văn phòng       | 3 – 4 năm  |
| Phần mềm máy tính        | 8 năm      |

#### 3.6 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

#### 3.7 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.8 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### 3.9 *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.13 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### ► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

##### ► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao đất cho người mua.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.16 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

### 4. TIỀN

|                    | VND                         |                              |
|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                    | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Tiền mặt           | 435.243.687                 | 114.750.363                  |
| Tiền gửi ngân hàng | 53.434.367.474              | 22.646.548.741               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>53.869.611.161</b>       | <b>22.761.299.104</b>        |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|                                                         | VND                         |                              |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                         | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Phải thu từ khách hàng                                  | 588.094.957.224             | 566.836.198.727              |
| - Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp<br>Formosa Hà Tĩnh | 232.169.782.513             | 268.764.795.861              |
| - Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn              | 72.555.608.979              | -                            |
| - Bệnh viện II Lâm Đồng                                 | 38.924.469.546              | 40.216.137.319               |
| - Ban QLDA Các công trình Điện Miền Nam                 | 38.346.613.403              | 68.248.771.011               |
| - Công ty Cổ phần BOT Biên Cương                        | 24.396.803.602              | -                            |
| - Các khách hàng khác                                   | 181.701.679.181             | 189.606.494.536              |
| Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)           | 139.952.994.778             | 104.146.349.172              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                        | <b>728.047.952.002</b>      | <b>670.982.547.899</b>       |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                      | (28.940.654.583)            | (31.652.430.939)             |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                    | <b>699.107.297.419</b>      | <b>639.330.116.960</b>       |

Các khoản phải thu liên quan đến công trình Formosa đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1).

**Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:**

|                                   | VND                                                                 |                                                                     |
|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                   | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
| Số đầu kỳ                         | 31.652.430.939                                                      | 39.420.333.649                                                      |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ | 788.223.644                                                         | 1.878.415.136                                                       |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ  | (3.500.000.000)                                                     | (5.000.000.000)                                                     |
| Số cuối kỳ                        | 28.940.654.583                                                      | 36.298.748.785                                                      |

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                                  | VND                         |                              |
|--------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                  | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Trả trước cho người bán                          | 126.374.709.406             | 96.963.939.278               |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Đắc Đạo               | 27.337.657.307              | 28.931.101.035               |
| - Công ty TNHH Speco                             | 20.311.200.000              | -                            |
| - Tổng công ty Xây dựng và Phát triển<br>Hạ tầng | 16.147.880.000              | 16.147.880.000               |
| - Các nhà cung cấp khác                          | 62.577.972.099              | 51.884.958.243               |
| Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)  | 100.962.965.207             | 87.540.746.138               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>227.337.674.613</b>      | <b>184.504.685.416</b>       |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

|                                                                       | VND                         |                              |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                                       | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan<br>(Thuyết minh số 28) (*) | 4.458.917.302               | 4.944.279.412                |
| Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan<br>(Thuyết minh số 28) (**) | 100.865.989.843             | 118.824.373.586              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                      | <b>105.324.907.145</b>      | <b>123.768.652.998</b>       |

(\*) Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

| Bên vay                            | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất | Hình thức<br>đảm bảo |
|------------------------------------|-----------------------------|----------------|----------|----------------------|
|                                    | VND                         |                | (%/năm)  |                      |
| <b>Công ty Cổ phần Licogi 16.1</b> |                             |                |          |                      |
| Hợp đồng số 40/HĐ-<br>Licogi16-Kto | 4.458.917.302               | 12 tháng       | 9        | Tín chấp             |

(\*\*) Chi tiết khoản cho vay dài hạn bên liên quan như sau:

| Bên vay                                       | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất | Hình thức<br>đảm bảo |
|-----------------------------------------------|-----------------------------|----------------|----------|----------------------|
|                                               | VND                         |                | (%/năm)  |                      |
| <b>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12</b> |                             |                |          |                      |
| Hợp đồng số 020/HĐ-<br>Licogi16-Kto           | 100.865.989.843             | 36 tháng       | 9,5      | Tín chấp             |

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

|                                   | VND                         |                              |
|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                   | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Tạm ứng                           | 124.476.585.074             | 117.655.124.325              |
| Phải thu chuyển nhượng vốn        | 32.939.440.000              | 32.939.440.000               |
| Phải thu lãi vay                  | 7.691.455.474               | 64.001.588.313               |
| Khác                              | 17.364.992.271              | 15.909.934.145               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>182.472.472.819</b>      | <b>230.506.086.783</b>       |
| Trong đó:                         |                             |                              |
| Bên khác                          | 149.236.932.218             | 139.576.596.875              |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 28) | 33.235.540.601              | 90.929.489.908               |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**9. HÀNG TỒN KHO**

|                                 | VND                         |                              |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                 | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Bất động sản dở dang (*)        | 207.855.266.648             | 207.384.820.250              |
| Các công trình xây dựng dở dang | 30.408.764.777              | 8.973.276.675                |
| Nguyên vật liệu xây dựng        | 19.678.118.695              | 20.498.157.458               |
| Công cụ, dụng cụ                | 1.805.533.418               | 880.765.215                  |
| Hàng hóa bất động sản           | 1.082.515.506               | 1.082.515.506                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>260.830.199.044</b>      | <b>238.819.535.104</b>       |

(\*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

|                             | VND                         |                              |
|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                             | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha  | 86.292.358.594              | 85.824.817.763               |
| Khu dân cư Bảo Lộc 17ha     | 72.600.030.620              | 72.597.125.053               |
| Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha  | 34.962.877.434              | 34.962.877.434               |
| Khu dân cư Phước Thiện 33ha | 14.000.000.000              | 14.000.000.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>207.855.266.648</b>      | <b>207.384.820.250</b>       |

Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha, Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha và Khu dân cư Bảo Lộc 17ha được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1 và 20.2).

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                        | VND                         |                              |
|------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                        | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| <b>Ngắn hạn</b>        |                             |                              |
| Phí tư vấn             | 8.983.007.391               | 9.158.242.391                |
| Công cụ, dụng cụ       | 151.718.581                 | 1.662.671.357                |
| Khác                   | 482.819.201                 | 410.438.597                  |
|                        | <u>9.617.545.173</u>        | <u>11.231.352.345</u>        |
| <b>Dài hạn</b>         |                             |                              |
| Phí bảo lãnh ngân hàng | 1.137.692.309               | 2.362.291.667                |
| Công cụ, dụng cụ       | 233.500.460                 | 455.764.657                  |
| Khác                   | -                           | 66.013.634                   |
|                        | <u>1.371.192.769</u>        | <u>2.884.069.958</u>         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b>10.988.737.942</b>       | <b>14.115.422.303</b>        |

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                                   | Nhà cửa và<br>vật kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị<br>văn phòng | VND<br>Tổng cộng  |
|---------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|
| <b>Nguyên giá:</b>                                |                             |                        |                        |                       |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015                     | 685.198.283                 | 351.865.654.277        | 55.769.040.849         | 2.016.435.331         | 410.336.328.740   |
| Mua trong kỳ                                      | -                           | 21.935.490.533         | 6.462.557.364          | -                     | 28.398.047.897    |
| Thanh lý                                          | (685.198.283)               | (296.510.082.119)      | (6.956.661.822)        | -                     | (304.151.942.224) |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016                      | -                           | 77.291.062.691         | 55.274.936.391         | 2.016.435.331         | 134.582.434.413   |
| <b>Trong đó:</b>                                  |                             |                        |                        |                       |                   |
| Đã khấu hao hết                                   | -                           | 3.225.464.831          | 6.061.677.717          | 549.612.602           | 9.836.755.150     |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>                   |                             |                        |                        |                       |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015                     | (537.826.043)               | (304.206.005.994)      | (17.531.883.848)       | (1.275.331.933)       | (323.551.047.818) |
| Khấu hao trong kỳ                                 | (6.814.540)                 | (4.075.871.780)        | (3.748.577.718)        | (113.304.241)         | (7.944.568.279)   |
| Thanh lý                                          | 544.640.583                 | 290.241.225.048        | 4.051.235.540          | -                     | 294.837.101.171   |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016                      | -                           | (18.040.652.726)       | (17.229.226.026)       | (1.388.636.174)       | (36.658.514.926)  |
| <b>Giá trị còn lại:</b>                           |                             |                        |                        |                       |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015                     | 147.372.240                 | 47.659.648.283         | 38.237.157.001         | 741.103.398           | 86.785.280.922    |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016                      | -                           | 59.250.409.965         | 38.045.710.365         | 627.799.157           | 97.923.919.487    |
| <b>Trong đó:</b>                                  |                             |                        |                        |                       |                   |
| Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 20.1 và 20.2) | -                           | 21.668.209.367         | 11.233.077.016         | -                     | 32.901.286.383    |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**12. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

|                                | VND                          |                              |                  |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------|
|                                | <i>Quyền<br/>sử dụng đất</i> | <i>Phần mềm<br/>máy tính</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| <b>Nguyên giá:</b>             |                              |                              |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015  | 972.000.000                  | 9.665.060.000                | 10.637.060.000   |
| Thanh lý                       | (972.000.000)                | -                            | (972.000.000)    |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016   | -                            | 9.665.060.000                | 9.665.060.000    |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b> |                              |                              |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015  | -                            | (3.574.748.219)              | (3.574.748.219)  |
| Hao mòn trong kỳ               | -                            | (600.765.342)                | (600.765.342)    |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016   | -                            | (4.175.513.561)              | (4.175.513.561)  |
| <b>Giá trị còn lại:</b>        |                              |                              |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015  | 972.000.000                  | 6.090.311.781                | 7.062.311.781    |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016   | -                            | 5.489.546.439                | 5.489.546.439    |

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

|                             | VND                                 |                                      |
|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
|                             | <i>Ngày 30 tháng 6<br/>năm 2016</i> | <i>Ngày 31 tháng 12<br/>năm 2015</i> |
| Trường Cao đẳng nghề Licogi | 72.599.051.281                      | 72.441.646.549                       |
| Khác                        | -                                   | 1.452.027.555                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>72.599.051.281</b>               | <b>73.893.674.104</b>                |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

#### 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

|                                                   | VND                         |                              |
|---------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                   | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)      | 131.285.346.377             | 136.737.706.377              |
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2) | 630.233.593.569             | 615.843.593.569              |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                 | (138.026.095.947)           | (138.074.937.047)            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b>623.492.843.999</b>      | <b>614.506.362.899</b>       |

##### 14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

|                                                               | Ngày 30 tháng 6 năm 2016 |                        | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |                        |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|
|                                                               | VND                      | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>(%) | VND                       | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>(%) |
| Công ty TNHH Xây dựng –<br>Thương mại – Dịch vụ<br>Điện Phước | 77.285.346.377           | 95,00                  | 76.737.706.377            | 95,00                  |
| Công ty TNHH Siêu Thành                                       | 54.000.000.000           | 90,00                  | 60.000.000.000            | 100,00                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                              | <b>131.285.346.377</b>   |                        | <b>136.737.706.377</b>    |                        |

Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điện Phước (“Điện Phước”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“Giấy chứng nhận”) số 4102022453 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Điện Phước có trụ sở đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Điện Phước là đầu tư và phát triển khu dân cư.

Công ty TNHH Siêu Thành (“Siêu Thành”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận số 4102061411 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 5 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Siêu Thành có trụ sở đăng ký tại số 24A Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Siêu Thành là kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.



## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

| Tên công ty                                  | Lĩnh vực kinh doanh                                                | Ngày 30 tháng 6 năm 2016 |                  | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |                  |
|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|---------------------------|------------------|
|                                              |                                                                    | VND                      | Tỷ lệ sở hữu (%) | VND                       | Tỷ lệ sở hữu (%) |
| Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội              | Đầu tư và xây dựng khu dân cư để bán và cho thuê                   | 308.500.528.000          | 30,00            | 308.500.528.000           | 30,00            |
| Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông | Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel | 123.508.733.758          | 22,00            | 123.508.733.758           | 22,00            |
| Công ty Cổ phần BOT 38                       | Đầu tư và phát triển hạ tầng                                       | 72.500.000.000           | 29,00            | 72.500.000.000            | 29,00            |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12       | Đầu tư xây dựng khu dân cư                                         | 42.939.440.000           | 40,00            | 42.939.440.000            | 40,00            |
| Công ty Cổ phần Licogi 166                   | Cung cấp dịch vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng            | 40.894.891.811           | 46,42            | 40.894.891.811            | 46,42            |
| Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16           | Thi công lắp đặt các hệ thống điện                                 | 21.390.000.000           | 34,50            | 7.000.000.000             | 35,00            |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16             | Gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng                       | 12.000.000.000           | 46,15            | 12.000.000.000            | 46,15            |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.1                  | Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp            | 4.500.000.000            | 30,00            | 4.500.000.000             | 30,00            |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8    | Tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng                              | 4.000.000.000            | 36,36            | 4.000.000.000             | 36,36            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                             |                                                                    | <b>630.233.593.569</b>   |                  | <b>615.843.593.569</b>    |                  |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            |                                                                    | (138.026.095.947)        |                  | (138.074.937.047)         |                  |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                         |                                                                    | <b>492.207.497.622</b>   |                  | <b>477.768.656.522</b>    |                  |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                            | VND                         |                              |
|--------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                            | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28) | 164.525.861.580             | 222.930.164.888              |
| Phải trả người bán khác                    | 139.193.259.313             | 112.665.079.006              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                           | <b>303.719.120.893</b>      | <b>335.595.243.894</b>       |

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|                                                  | VND                         |                              |
|--------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                  | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Người mua trả tiền trước                         | 230.026.002.302             | 181.826.532.860              |
| - Công ty Cổ phần BOT Biên Cương                 | 94.544.227.028              | 105.000.000.000              |
| - Bệnh viện II Lâm Đồng                          | 40.000.000.000              | 20.000.000.000               |
| - Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn       | 33.960.400.000              | -                            |
| - Khác                                           | 61.521.375.274              | 56.826.532.860               |
| Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 28) | 36.494.026.474              | 61.840.969.014               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>266.520.028.776</b>      | <b>243.667.501.874</b>       |

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                                                        | VND                          |                         |                        |                             |
|--------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------|
|                                                        | Ngày 31 tháng<br>12 năm 2015 | Số phải nộp<br>trong kỳ | Số đã nộp<br>trong kỳ  | Ngày 30 tháng<br>6 năm 2016 |
| Thuế giá trị gia tăng                                  | 11.905.591                   | -                       | -                      | 11.905.591                  |
| Thuế thu nhập<br>doanh nghiệp<br>(Thuyết minh số 27.1) | 6.028.349.208                | -                       | -                      | 6.028.349.208               |
| Thuế thu nhập cá nhân                                  | 1.376.583.425                | 1.054.769.700           | (1.340.841.312)        | 1.090.511.813               |
| Thuế nhà thầu                                          | 732.683.354                  | -                       | -                      | 732.683.354                 |
| Khác                                                   | 4.398.556                    | -                       | (3.000.000)            | 1.398.556                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                       | <b>8.153.920.134</b>         | <b>1.054.769.700</b>    | <b>(1.343.841.312)</b> | <b>7.864.848.522</b>        |

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                       | VND                         |                              |
|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                       | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| Chi phí dự án các công trình xây dựng | 138.320.183.677             | 98.400.436.462               |
| Tiền hoa hồng                         | 4.495.689.062               | 4.495.689.062                |
| Lương thưởng tháng 13                 | 1.376.978.129               | 2.193.098.188                |
| Lãi vay                               | 717.565.031                 | 820.249.039                  |
| Khác                                  | -                           | 200.184.003                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                      | <b>144.910.415.899</b>      | <b>106.109.656.754</b>       |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

|                                          | VND                          |                              |
|------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                          | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016  | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
| <b>Ngắn hạn</b>                          |                              |                              |
| Phạt thuế                                | 44.256.475.978               | 47.313.588.730               |
| Nhận tạm ứng                             | 27.226.530.618               | 27.116.530.618               |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế           | 481.909.394                  | 496.734.868                  |
| Khác                                     | 4.030.696.838                | 3.583.277.863                |
|                                          | <u>75.995.612.828</u>        | <u>78.510.132.079</u>        |
| <b>Dài hạn</b>                           |                              |                              |
| Nhận ký quỹ, ký cược                     | <u>65.443.351</u>            | <u>65.443.351</u>            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         | <b><u>76.061.056.179</u></b> | <b><u>78.575.575.430</u></b> |
| <i>Trong đó</i>                          |                              |                              |
| <i>Bên khác</i>                          | <i>68.424.432.491</i>        | <i>71.973.951.742</i>        |
| <i>Bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i> | <i>7.636.623.688</i>         | <i>6.601.623.688</i>         |

# Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## 20. VAY

|                                                  | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 | Tăng trong kỳ          | Giảm trong kỳ          | VND<br>Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 |
|--------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------------------|
| <b>Vay ngắn hạn</b>                              | <b>347.646.253.083</b>       | <b>316.403.051.905</b> | <b>276.625.958.175</b> | <b>387.423.346.813</b>             |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)              | 327.892.573.083              | 299.203.051.905        | 260.402.278.175        | 366.693.346.813                    |
| Vay từ cá nhân (Thuyết minh số 20.3)             | 19.753.680.000               | 7.200.000.000          | 16.223.680.000         | 10.730.000.000                     |
| Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 20.4 và 28) | -                            | 10.000.000.000         | -                      | 10.000.000.000                     |
| <b>Vay dài hạn</b>                               | <b>92.398.408.104</b>        | <b>47.091.277.416</b>  | <b>46.514.487.388</b>  | <b>92.975.198.132</b>              |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)              | 43.887.222.229               | 37.091.277.416         | 28.578.166.664         | 52.400.332.981                     |
| Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 20.4 và 28) | 48.511.185.875               | 10.000.000.000         | 17.936.320.724         | 40.574.865.151                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>440.044.661.187</b>       | <b>363.494.329.321</b> | <b>323.140.445.563</b> | <b>480.398.544.945</b>             |
| Trong đó:                                        |                              |                        |                        |                                    |
| Vay dài hạn đến hạn trả                          | 82.511.185.875               |                        |                        | 52.006.198.484                     |
| Vay dài hạn                                      | 9.887.222.229                |                        |                        | 40.968.999.648                     |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sâu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng                                                                                                                        | Ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>(VND) | Kỳ hạn trả gốc                                           | Mục đích vay         | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>                                                           |                                   |                                                          |                      |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Hợp đồng vay số 18-0815/HĐTM/HCM ngày 7 tháng 9 năm 2015 kèm theo phụ lục bổ sung số 18-0815/HĐTM.HCM.01 ngày 7 tháng 4 năm 2016 | 135.118.343.226                   | Từ ngày 16 tháng 7 năm 2016 đến ngày 28 tháng 3 năm 2017 | Tài trợ vốn lưu động | 8,2                 | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha<br>(Thuyết minh số 9)                                                                                                              |
| Hợp đồng vay số 06-09.13/HĐTDHM/TPB.HCM ngày 10 tháng 9 năm 2013 kèm theo phụ lục bổ sung                                        | 34.834.917.827                    | Từ ngày 7 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 1 năm 2017  | Tài trợ vốn lưu động | 8,2 – 8,6           | Các khoản phải thu liên quan đến công trình Formosa<br>(Thuyết minh số 5)                                                                                                                                                                                                |
| Hợp đồng vay số 17-04.15/HĐTDHM/TPBANK.HCM ngày 16 tháng 4 năm 2015                                                              | 1.209.431.300                     | Ngày 18 tháng 7 năm 2016                                 | Tài trợ vốn lưu động | 8,2 – 8,5           | Tài sản cố định theo các hợp đồng thế chấp tài sản (Thuyết minh số 11)                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn</b>                                            |                                   |                                                          |                      |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Hợp đồng vay số 775/2013/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013 kèm phụ lục bổ sung số 09-775/2013/HĐ ngày 30 tháng 5 năm 2016              | 144.407.015.113                   | Từ ngày 7 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 12 năm 2016 | Tài trợ vốn lưu động | 8 – 10,2            | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha, Quyền sử dụng đất tại Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Khu dân cư Bảo Lộc 17ha<br>(Thuyết minh số 9) |

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

| Ngân hàng | Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND) | Kỳ hạn trả gốc | Mục đích vay | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|-----------|--------------------------------|----------------|--------------|------------------|-------------------|
|-----------|--------------------------------|----------------|--------------|------------------|-------------------|

#### Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn

|                                                                   |                |                                                            |                      |     |                                                   |
|-------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------|----------------------|-----|---------------------------------------------------|
| Hợp đồng vay số 6220-LAV-201500007/HĐTD ngày 16 tháng 12 năm 2014 | 43.060.172.231 | Từ ngày 18 tháng 11 năm 2016 đến ngày 25 tháng 12 năm 2016 | Tài trợ vốn lưu động | 9,5 | Dự án Chung cư Nam An thuộc sở hữu của Siêu Thành |
|-------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------|----------------------|-----|---------------------------------------------------|

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân – Chi nhánh Sài Gòn

|                                                             |               |                                                            |                      |   |                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------------------------|----------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hợp đồng vay số 012/16/HĐMB/101-76 ngày 26 tháng 4 năm 2016 | 8.063.467.116 | Từ ngày 23 tháng 12 năm 2016 đến ngày 29 tháng 12 năm 2016 | Tài trợ vốn lưu động | 9 | Các hợp đồng kinh tế mà công ty Licogi 16 đã ký theo Hợp đồng thế chấp số 012/16/HĐMB/101-76 |
|-------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------------------------|----------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------|

#### TỔNG CỘNG

**366.693.346.813**

#### 20.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng | Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND) | Kỳ hạn trả gốc | Mục đích vay | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|-----------|--------------------------------|----------------|--------------|------------------|-------------------|
|-----------|--------------------------------|----------------|--------------|------------------|-------------------|

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn

|                                                         |                |                                     |              |    |                                                                                           |
|---------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------|--------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hợp đồng số 402/2016/95893/HĐTD ngày 3 tháng 3 năm 2016 | 37.091.277.416 | 60 tháng từ ngày 4 tháng 3 năm 2016 | Mua sắm TSCĐ | 12 | Tài sản cố định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 474/2016/95893/HĐĐĐ (Thuyết minh số 11) |
|---------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------|--------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

| Ngân hàng                                                              | Ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>(VND) | Kỳ hạn trả gốc                                           | Mục đích vay                                | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo                                                                                                                                                                  |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b> |                                   |                                                          |                                             |                     |                                                                                                                                                                                    |
| Hợp đồng vay số 03-04.15/HĐTDTH/TPB.HCM ngày 13 tháng 5 năm 2015       | 7.498.666.668                     | Từ ngày 14 tháng 8 năm 2016 đến ngày 14 tháng 5 năm 2018 | Thanh toán tiền mua 8 chiếc xe Tata Dea Woo | 9,3                 | Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tại sản số 03-04.15/HĐTC/TPBANK.HCM và 05-07.13/HĐTC/TPB.HCM (Thuyết minh số 11)                                                            |
| Trong đó:<br>Vay dài hạn đến hạn trả                                   | 3.749.333.333                     |                                                          |                                             |                     |                                                                                                                                                                                    |
| Hợp đồng số 01/14-11.11/HĐTDHM/TPB.HCM ngày 28 tháng 2 năm 2013        | 7.425.000.000                     | Ngày 5 tháng 7 năm 2016                                  | Tài trợ vốn lưu động                        | 9,8                 | Quyền sử dụng đất của 59 lô đất với diện tích là 144.423 m <sup>2</sup> tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha (Thuyết minh số 9) |
| Trong đó:<br>Vay dài hạn đến hạn trả                                   | 7.425.000.000                     |                                                          |                                             |                     |                                                                                                                                                                                    |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

| Ngân hàng                                                                          | Ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>(VND) | Kỳ hạn trả gốc                                           | Mục đích vay                       | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo                                                                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh (tiếp theo)</b> |                                   |                                                          |                                    |                     |                                                                                                   |
| Hợp đồng số 07-03.15/HĐTDTH/TPBANK.HCM ngày 20 tháng 3 năm 2015                    | 256.666.665                       | Từ ngày 20 tháng 9 năm 2016 đến ngày 20 tháng 3 năm 2018 | Thanh toán tiền mua xe Ford Ranger | 9,3                 | Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 07-03.15/HĐTC/TPBANK.HCM<br>(Thuyết minh số 11) |
| Trong đó:<br>Vay dài hạn đến hạn trả                                               | 146.666.667                       |                                                          |                                    |                     |                                                                                                   |
| Hợp đồng số 26-08.14/HĐTDTH/TPB.HCM ngày 20 tháng 8 năm 2014                       | 128.722.232                       | Từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017 | Mua xe ô tô                        | 9,6                 | Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 26-08.13/HĐTC/TPBANK.HCM<br>(Thuyết minh số 11) |
| Trong đó:<br>Vay dài hạn đến hạn trả                                               | 110.333.333                       |                                                          |                                    |                     |                                                                                                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                   | <b>52.400.332.981</b>             |                                                          |                                    |                     |                                                                                                   |
| Trong đó:<br>Vay dài hạn đến hạn trả<br>Vay dài hạn                                | 11.431.333.333<br>40.968.999.648  |                                                          |                                    |                     |                                                                                                   |

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.3 Các khoản vay từ cá nhân

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

| Bên cho vay           | Ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>(VND) | Kỳ hạn trả gốc                                          | Mục đích vay         | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|-------------------|
| Nhân viên của Công ty | 10.730.000.000                    | Từ ngày 6 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 7 năm 2016 | Tài trợ vốn lưu động | 9,5                 | Tín chấp          |

Trong đó:

Vay từ bên liên quan  
(Thuyết minh số 28)

5.500.000.000

#### 20.4 Các khoản vay từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

| Bên cho vay                                                         | Ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>(VND) | Kỳ hạn trả gốc           | Mục đích vay                                    | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------|---------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16                                  | 10.000.000.000                    | Ngày 20 tháng 9 năm 2016 | Tài trợ vốn lưu động                            | 5,5                 | Tín chấp          |
| Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau: |                                   |                          |                                                 |                     |                   |
| Bên cho vay                                                         | Ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>(VND) | Kỳ hạn trả gốc           | Mục đích vay                                    | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo |
| Công ty Cổ phần BOT 38                                              | 40.574.865.151                    |                          | Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A | Không lãi suất      | Tín chấp          |

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

40.574.865.151

# Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

|                                                                   | Vốn cổ phần     | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế chưa<br>phân phối<br>(lũy kế) | Tổng cộng         |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|--------------|--------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------|
|                                                                   |                 |                         |              |                          |                                                     | VND               |
| <b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b> |                 |                         |              |                          |                                                     |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014                                     | 762.499.560.000 | 357.076.451.515         | (3.390.000)  | 119.204.302.363          | (263.389.838.021)                                   | 975.387.085.857   |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                                          | -               | -                       | -            | -                        | 28.789.030.293                                      | 28.789.030.293    |
| Xóa lỗ lũy kế bằng thặng dư vốn<br>cổ phần                        | -               | (263.389.838.021)       | -            | -                        | 263.389.838.021                                     | -                 |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015                                      | 762.499.560.000 | 93.686.613.494          | (3.390.000)  | 119.204.302.363          | 28.789.030.293                                      | 1.004.176.116.150 |
| <b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b> |                 |                         |              |                          |                                                     |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015                                     | 762.499.560.000 | 93.686.613.494          | (3.390.000)  | 119.204.302.363          | 50.168.000.932                                      | 1.025.555.086.789 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                                          | -               | -                       | -            | -                        | 38.021.792.316                                      | 38.021.792.316    |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016                                      | 762.499.560.000 | 93.686.613.494          | (3.390.000)  | 119.204.302.363          | 88.189.793.248                                      | 1.063.576.879.105 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

|                                         | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| <b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b> |                                                                     |                                                                            |
| Số đầu kỳ và số cuối kỳ                 | 762.499.560.000                                                     | 762.499.560.000                                                            |

**21.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông**

|                                                                      | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                                      | Số cổ phiếu                 | Số cổ phiếu                  |
| Cổ phiếu được phép phát hành                                         | 76.249.956                  | 76.249.956                   |
| Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ<br><i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 76.249.956                  | 76.249.956                   |
| Cổ phiếu quỹ<br><i>Cổ phiếu phổ thông</i>                            | (338)                       | (338)                        |
| Cổ phiếu đang lưu hành<br><i>Cổ phiếu phổ thông</i>                  | 76.249.618                  | 76.249.618                   |

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Doanh thu dịch vụ xây dựng      | 338.798.078.718                                                     | 624.299.113.823                                                            |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khác | 29.072.200.840                                                      | 317.311.366                                                                |
| Doanh thu bán hàng              | 6.435.747.875                                                       | 17.443.869.517                                                             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>374.306.027.433</b>                                              | <b>642.060.294.706</b>                                                     |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**22. DOANH THU (tiếp theo)**

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                            | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
|----------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 8.176.143.902                                                       | 3.713.849.616                                                              |
| Cổ tức                     | 1.050.000.000                                                       | 498.750.000                                                                |
| Khác                       | -                                                                   | 287.310.000                                                                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>9.226.143.902</b>                                                | <b>4.499.909.616</b>                                                       |

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|                          | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Giá vốn dịch vụ xây dựng | 332.962.544.872                                                     | 547.079.307.109                                                            |
| Giá vốn hàng bán         | 6.889.926.466                                                       | 16.943.751.455                                                             |
| Giá vốn dịch vụ khác     | 894.650.932                                                         | 13.591.330                                                                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         | <b>340.747.122.270</b>                                              | <b>564.036.649.894</b>                                                     |

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                                                                               | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Lãi vay                                                                                       | 17.228.062.633                                                      | 16.978.830.451                                                             |
| Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư<br>(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng đầu tư<br>tài chính dài hạn | 550.000.000<br>(48.841.100)                                         | -<br>15.851.310.407                                                        |
| Khác                                                                                          | 1.606.688.401                                                       | -                                                                          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                              | <b>19.335.909.934</b>                                               | <b>32.830.140.858</b>                                                      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                                    | VND                                                                           |                                                                               |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                    | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2016</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2015</i> |
| <b>Chi phí bán hàng</b>                            | <b>1.488.871.363</b>                                                          | <b>9.073.950.494</b>                                                          |
| - Chi phí hoa hồng tư vấn                          | 1.313.636.363                                                                 | 8.197.434.528                                                                 |
| - Chi phí khác                                     | 175.235.000                                                                   | 876.515.966                                                                   |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                | <b>16.632.856.882</b>                                                         | <b>15.052.000.457</b>                                                         |
| - Chi phí lương                                    | 8.325.292.808                                                                 | 6.262.819.447                                                                 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                        | 2.748.173.074                                                                 | 2.541.786.935                                                                 |
| - Chi phí khấu hao                                 | 820.686.249                                                                   | 915.079.047                                                                   |
| - Chi phí dự phòng                                 | 788.223.644                                                                   | 1.878.415.136                                                                 |
| - Chi phí khác                                     | 3.950.481.107                                                                 | 3.453.899.892                                                                 |
| Các khoản ghi giảm chi phí quản lý<br>doanh nghiệp |                                                                               |                                                                               |
| - Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi           | (3.500.000.000)                                                               | (5.000.000.000)                                                               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                   | <b>14.621.728.245</b>                                                         | <b>19.125.950.951</b>                                                         |

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

|                                                       | VND                                                                           |                                                                               |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                       | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2016</i> | <i>Cho kỳ kế toán<br/>sáu tháng kết thúc<br/>ngày 30 tháng 6<br/>năm 2015</i> |
| <b>Thu nhập khác</b>                                  | <b>31.738.269.272</b>                                                         | <b>3.564.278.450</b>                                                          |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định                       | 28.294.619.563                                                                | 983.000.523                                                                   |
| Phí bảo lãnh                                          | 1.727.898.390                                                                 | 1.923.748.044                                                                 |
| Khác                                                  | 1.715.751.319                                                                 | 657.529.883                                                                   |
| <b>Chi phí khác</b>                                   | <b>(2.543.887.842)</b>                                                        | <b>(5.183.190.323)</b>                                                        |
| Phí bảo lãnh                                          | (1.113.166.343)                                                               | (1.275.198.733)                                                               |
| Chi phí khấu hao của tài sản cố định ngưng<br>sử dụng | -                                                                             | (3.182.373.495)                                                               |
| Khác                                                  | (1.430.721.499)                                                               | (725.618.095)                                                                 |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                  | <b>29.194.381.430</b>                                                         | <b>(1.618.911.873)</b>                                                        |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

|                                                                      |                                                                     | VND                                                                 |
|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                                      | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                  | <b>38.021.792.316</b>                                               | <b>28.948.550.746</b>                                               |
| <b>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>             |                                                                     |                                                                     |
| Thay đổi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                           | -                                                                   | 15.851.310.407                                                      |
| Chi phí không được khấu trừ                                          | 2.610.090.945                                                       | 3.182.373.495                                                       |
| Thay đổi lãi cho vay dự thu                                          | -                                                                   | (3.858.724.451)                                                     |
| Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi                                   | (2.711.776.356)                                                     | (3.121.584.864)                                                     |
| Chênh lệch chi phí khấu hao                                          | (3.055.986.988)                                                     | -                                                                   |
| Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả                                  | -                                                                   | (41.536.000)                                                        |
| Cổ tức nhận được                                                     | (1.050.000.000)                                                     | (498.750.000)                                                       |
| <b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần<br/>trừ lỗ năm trước</b> | <b>33.814.119.917</b>                                               | <b>40.461.639.333</b>                                               |
| Lỗ năm trước chuyển sang                                             | (33.814.119.917)                                                    | (40.461.639.333)                                                    |
| <b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ<br/>hiện hành</b>            | <b>-</b>                                                            | <b>-</b>                                                            |
| <b>Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ hiện hành</b>                      | <b>-</b>                                                            | <b>-</b>                                                            |
| Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ                                            | 6.028.349.208                                                       | 6.028.349.208                                                       |
| Thuế TNDN đã nộp trong kỳ                                            | -                                                                   | -                                                                   |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>                                    | <b>6.028.349.208</b>                                                | <b>6.028.349.208</b>                                                |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

**Các chênh lệch tạm thời**

|                                    |                |
|------------------------------------|----------------|
| Lỗ chuyển sang các năm sau         | 73.717.432.407 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 28.940.654.583 |
| Chênh lệch chi phí khấu hao        | 6.243.217.875  |
| Chi phí phải trả ngắn hạn          | 4.495.689.062  |
| Trợ cấp thôi việc phải trả         | 2.290.827.250  |

**TỔNG CỘNG**

**115.687.821.177**

**Lỗ chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 73.717.432.407 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 107.531.552.324 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

| Năm phát sinh    | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế             | Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 | Không được chuyển lỗ | Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 |
|------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------|
| 2013             | 2018                     | (83.297.916.546)         | 56.151.981.766                            | -                    | (27.145.934.780)                            |
| 2015             | 2020                     | (46.571.497.627)         | -                                         | -                    | (46.571.497.627)                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                          | <b>(129.869.414.173)</b> | <b>56.151.981.766</b>                     | <b>-</b>             | <b>(73.717.432.407)</b>                     |

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

| Bên liên quan                      | Mối quan hệ      | Nội dung nghiệp vụ                                                                                                                                                        | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016                               | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
|------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16 | Công ty liên kết | Dịch vụ xây dựng<br>cung cấp cho Công ty<br>Vay<br>Phí bảo lãnh<br>Cổ tức được nhận<br>Tạm ứng thực hiện dự án                                                            | 82.090.144.034<br>10.000.000.000<br>1.703.500.026<br>1.050.000.000<br>-                           | 96.418.354.270<br>-<br>1.964.159.407<br>498.750.000<br>46.561.000.000      |
| Công ty Cổ phần BOT 38             | Công ty liên kết | Dịch vụ xây dựng<br>Vay<br>Nhận tạm ứng                                                                                                                                   | 92.818.203.843<br>-<br>-                                                                          | 26.272.530.900<br>60.889.003.273<br>55.058.054.718                         |
| Công ty Cổ phần Licogi 166         | Công ty liên kết | Dịch vụ xây dựng<br>cung cấp cho Công ty<br>Bán tài sản<br>Chi phí tài chính<br>Doanh thu cho thuê máy, thiết bị<br>Doanh thu khác<br>Mua nguyên vật liệu<br>Nhận tạm ứng | 38.573.918.742<br>4.874.342.072<br>1.606.688.401<br>981.770.218<br>640.028.405<br>51.103.142<br>- | 23.636.287.600<br>-<br>-<br>-<br>-<br>5.283.984.194<br>13.606.466.815      |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.1        | Công ty liên kết | Dịch vụ xây dựng<br>cung cấp cho Công ty<br>Lãi cho vay<br>Bán nguyên vật liệu                                                                                            | 11.110.188.770<br>202.880.737<br>-                                                                | 70.185.843.907<br>353.013.435<br>6.458.216.782                             |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm (tiếp theo):

| Bên liên quan                                              | Mối quan hệ                    | Nội dung nghiệp vụ                                                                           | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12                     | Công ty liên kết               | Doanh thu môi giới<br>bất động sản (*)<br>(*) Phần trăm phí môi giới<br>được hưởng           | 15.834.471.814                                                      | -                                                                   |
|                                                            |                                | Doanh thu dịch vụ tư vấn<br>giải tỏa đền bù đất<br>Lãi cho vay (**)<br>(**) Lãi suất cho vay | 12.500.000.000<br>7.845.128.430<br>14,3%                            | -<br>3.133.743.452<br>9,5%                                          |
|                                                            |                                | Cho vay<br>Dịch vụ xây dựng                                                                  | -<br>-                                                              | 10.600.000.000<br>6.311.423.430                                     |
| Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại<br>– Dịch vụ Điện Phước | Công ty con                    | Góp vốn                                                                                      | 547.640.000                                                         | 1.340.000.000                                                       |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16                           | Công ty liên kết               | Mua nguyên vật liệu                                                                          | -                                                                   | 2.827.913.924                                                       |
| Công ty TNHH Siêu Thành                                    | Công ty con                    | Tạm ứng                                                                                      | -                                                                   | 200.000.000                                                         |
| Ông Bùi Dương Hùng                                         | Chủ tịch kiêm<br>Tổng Giám đốc | Vay                                                                                          | 9.500.000.000                                                       | 4.000.000.000                                                       |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

| <i>Bên liên quan</i>                         | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6<br/>năm 2016</i> | <i>Ngày 31 tháng 12<br/>năm 2015</i> |
|----------------------------------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>      |                    |                           |                                     |                                      |
| Công ty Cổ phần BOT 38                       | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | 67.434.163.917                      | 44.957.696.420                       |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12       | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | 57.117.724.385                      | 50.539.760.978                       |
| Công ty Cổ phần Licogi 166                   | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | 7.811.480.332                       | 665.725.566                          |
| Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16           | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | 5.908.200.704                       | 4.078.310.675                        |
| Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông | Công ty liên kết   | Cho thuê                  | 1.321.425.440                       | 1.321.425.440                        |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16             | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | 360.000.000                         | 240.000.000                          |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.1                  | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | -                                   | 2.103.430.093                        |
| Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội              | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | -                                   | 240.000.000                          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                             |                    |                           | <b>139.952.994.778</b>              | <b>104.146.349.172</b>               |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>      |                    |                           |                                     |                                      |
| Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16           | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | 54.056.482.630                      | 40.634.263.561                       |
| Công ty Cổ phần Licogi 166                   | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | 35.248.708.602                      | 35.248.708.602                       |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.1                  | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | 7.937.845.052                       | 7.937.845.052                        |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16             | Công ty liên kết   | Dịch vụ xây dựng          | 3.719.928.923                       | 3.719.928.923                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                             |                    |                           | <b>100.962.965.207</b>              | <b>87.540.746.138</b>                |

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

| Bên liên quan                             | Mối quan hệ      | Nội dung nghiệp vụ     | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016    | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015   |
|-------------------------------------------|------------------|------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| <b>Phải thu về cho vay</b>                |                  |                        |                                |                                |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12    | Công ty liên kết | Cho vay                | 100.865.989.843                | 118.824.373.586                |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.1               | Công ty liên kết | Cho vay                | 4.458.917.302                  | 4.944.279.412                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          |                  |                        | <b>105.324.907.145</b>         | <b>123.768.652.998</b>         |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>             |                  |                        |                                |                                |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.1               | Công ty liên kết | Tạm ứng<br>Lãi cho vay | 9.590.000.000<br>3.379.121.146 | 9.590.000.000<br>3.277.680.778 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16          | Công ty liên kết | Tạm ứng                | 10.495.891.968                 | 10.495.891.968                 |
| Công ty TNHH Siêu Thành                   | Công ty con      | Tạm ứng                | 5.418.863.309                  | 6.802.679.777                  |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12    | Công ty liên kết | Lãi cho vay            | 4.312.334.329                  | 60.723.907.536                 |
| Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16        | Công ty liên kết | Phí bảo lãnh           | 39.329.849                     | 39.329.849                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          |                  |                        | <b>33.235.540.601</b>          | <b>90.929.489.908</b>          |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>        |                  |                        |                                |                                |
| Công ty Cổ phần Licogi 166                | Công ty liên kết | Dịch vụ xây dựng       | (88.439.330.484)               | (103.409.844.702)              |
| Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16        | Công ty liên kết | Dịch vụ xây dựng       | (68.767.137.041)               | (102.692.242.906)              |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.1               | Công ty liên kết | Dịch vụ xây dựng       | (5.199.211.240)                | (7.542.619.465)                |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16          | Công ty liên kết | Dịch vụ xây dựng       | (2.120.182.815)                | (2.470.182.815)                |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8 | Công ty liên kết | Dịch vụ xây dựng       | -                              | (6.815.275.000)                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          |                  |                        | <b>(164.525.861.580)</b>       | <b>(222.930.164.888)</b>       |



## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

| Bên liên quan                            | Mối quan hệ                    | Nội dung nghiệp vụ | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
| <b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b> |                                |                    |                             |                              |
| Công ty Cổ phần BOT 38                   | Công ty liên kết               | Tạm ứng            | (32.698.896.936)            | (61.840.969.014)             |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.1              | Công ty liên kết               | Tạm ứng            | (3.795.129.538)             | -                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         |                                |                    | <b>(36.494.026.474)</b>     | <b>(61.840.969.014)</b>      |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b>            |                                |                    |                             |                              |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.1              | Công ty liên kết               | Tạm ứng            | (5.130.953.534)             | (5.130.953.534)              |
| Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16       | Công ty liên kết               | Đặt cọc            | (1.325.174.659)             | (400.174.659)                |
|                                          |                                | Tạm ứng            | (580.495.495)               | (1.070.495.495)              |
| Công ty Cổ phần Licogi 166               | Công ty liên kết               | Tạm ứng            | (600.000.000)               | -                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         |                                |                    | <b>(7.636.623.688)</b>      | <b>(6.601.623.688)</b>       |
| <b>Vay</b>                               |                                |                    |                             |                              |
| Công ty Cổ phần BOT 38                   | Công ty liên kết               | Vay                | (40.574.865.151)            | (48.511.185.875)             |
| Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16       | Công ty liên kết               | Vay                | (10.000.000.000)            | -                            |
| Ông Bùi Dương Hùng                       | Chủ tịch kiêm<br>Tổng Giám đốc | Vay                | (5.500.000.000)             | -                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         |                                |                    | <b>(56.074.865.151)</b>     | <b>(48.511.185.875)</b>      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

|                 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2015 |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Lương và thưởng | 2.183.191.863                                                       | 1.915.180.253                                                              |

**29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                  | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2016 | VND<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2015 |
|------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| Đến 1 năm        | 1.221.000.000               | 1.221.000.000                       |
| Trên 1 đến 5 năm | 2.849.000.000               | 3.459.500.000                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>4.070.000.000</b>        | <b>4.680.500.000</b>                |

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 15/HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2016, Công ty sẽ tham gia góp 30% vốn điều lệ, tương đương 15.000.000.000 VND để thành lập Công ty TNHH Khu Đô Thị Phước Thiện ("Phước Thiện"). Cho đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Phước Thiện đang trong quá trình đăng ký Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Văn Việt  
Người lập



Đinh Thị Hiền  
Kế toán trưởng



Bùi Dương Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016